UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3503000058 do
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04/05/2005)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số..138./UBCK -GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .30.. tháng 07. năm.2007)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

1. **Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**
   Số 21 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài gòn**
   Hội sở: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1. HCM
3. **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội**
   1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. **Chi nhánh Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn**
   22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Nguyễn Đức Đối Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Điện thoại: (84-56) 211377

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng chào bán :12.500.000 (mười hai triệu năm trăm) cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Tổng giá trị chào bán : 125.000.000.000 (một trăm hai mươi lăm tỉ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM**

Thành viên Hãng Deloite Touche Tohmatsu

✓ Trụ sở chính: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 8524123 Fax: (84-4) 8524143

✓ Chi nhánh Miền Trung: Số 77 Nguyễn Du - Q Hải Châu- TP Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 889123 Fax: (84-511) 889345

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)**

I. Trụ sở chính

✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại:(08-8)242897 Fax: (08-8)247430
Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

II. CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM

  ĐT:(84-8).821567 Fax: (84-8).2910590

III. CN Công ty Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội

- ✓ 1C Ngô Quyền , Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (84-4).9366321 Fax: (84-4).9366311

IV. CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (84-4). 9426718 Fax: (84-4). 9426719

V. CN Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

  ĐT: (84-31)3569123 Fax: (84-31).3569130

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 7
3. Rủi ro đặc thù của ngành 7
4. Rủi ro về tỷ giá 8
5. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán. 8
6. Các rủi ro khác 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8
1. Tổ chức phát hành 8
2. Tổ chức tư vấn 9
III. CÁC KHÁI NIỆM 9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 9
1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức phát hành 9
1.2 Quá trình hình thành và phát triển 10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty 11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty 12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông 14
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty 14
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập 15
4.3 Cơ cấu cổ đông 15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 16
5.1 Danh sách công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 16
5.2 Danh sách công ty mà tổ chức phát hành nắm cổ phần chi phối 16
6. Hoạt động kinh doanh 16
6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính 16
6.2 Sản lượng điện sản xuất qua các năm 16
6.3 Chi phí sản xuất 17
6.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất. 18
6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 19
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm 19
6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 20
6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 20
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất 20
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất 20

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2005 đến quý I/2007 21
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 22
8.1 Vị thế của công ty trong ngành 22
8.2 Triển vọng phát triển của ngành 23
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng chung của ngành, chính sách của Nhà nước 23
9. Chính sách đối với người lao động 24
10. Chính sách cổ tức 25
11. Tình hình tài chính 26
11.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 26
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 29
12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng 30
12.1 Danh sách Hội đồng quản trị 30
12.2 Danh sách Ban giám đốc 34
12.3 Danh sách Ban kiểm soát 35
12.4 Kế toán trưởng 37
13. Tài sản 37
13.1 Đất đai 37
13.2 Máy móc, thiết bị 37
13.3 Phương tiện vận tải 38
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo 39
14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 39
14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển 42
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 44
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành 44
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán. 44
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 44
1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông 44
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu 44
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán 44
4. Giá chào bán dự kiến 44
5. Phương pháp tính giá 45
6. Phương thức phân phối 45
7. Thời gian phân phối dự kiến 47
8. Đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền 47
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 47
10. Các loại thuế liên quan 48
11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu. 48
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 49

1. Mục đích chào bán 49
2. Phương án khả thi 49
2.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng công trình 49
2.2 Dự án Thuỷ điện Thượng Kon Tum 49
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 51
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 52
1. Tổ chức kiểm toán: 52
2. Tổ chức tư vấn: 52
IX. PHỤ LỤC 52

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển hay tụt hậu về kinh tế Việt Nam ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, công nghiệp, các công trình đầu tư hạ tầng cơ sở, mở rộng nhà máy trong đất nước và kéo theo là nhu cầu sử dụng điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, thị trường sản xuất điện năng ở Việt nam hiện nay đang tăng trưởng với đặc điểm sức cầu luôn vượt sức cung. Nhu cầu về điện tăng ở mức 12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ sản xuất điện trong nước. Do vậy, sự phát triển hay tụt hậu của kinh tế ít ảnh hưởng đến việc sản xuất điện.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao. Đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Hơn nữa, hai nhà máy hiện nay của Công ty đều hoạt động trên địa bàn đặc biệt khó khăn, nên được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước. Tuy nhiên, hệ thống luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh, thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Tuy nhiên, trên thực tế trong những năm gần đây, mặc dù Công ty Thuỷ điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh đã phải đương đầu với điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, sản lượng điện sản xuất điện vẫn nằm trong phạm vi tính toán thiết kế trong nhiều năm.

4. Rủi ro về tỷ giá

Giá bán điện hiện nay cho EVN được tính bằng VND, trong khi phần lớn tiền lãi vay phải trả bằng đồng Đô la Mỹ. Do vậy, những biến động về tỷ giá trên thị trường sẽ có ảnh hưởng tương đối với mức lợi nhuận của Công ty.

5. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

Công ty thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng đang trong chiều hướng suy giảm gây bất lợi cho Công ty và ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công, Công ty sẽ thiếu vốn để thực hiện dự án, do đó làm chậm tiến độ triển khai. Ngoài ra, công tác giải phóng mặt bằng bị chậm trễ, sự biến động bất thường của thời tiết cũng ảnh hưởng tới tiến độ thi công của dự án, dẫn đến hiệu quả mang lại không đạt được như đã tính toán

6. Các rủi ro khác

Theo xu hướng phát triển gần đây của ngành, bước đầu hình thành một thị trường phát điện cạnh tranh, là tiền đề cho khả năng cạnh tranh về giá bán điện của các nhà sản xuất cho EVN, ảnh hưởng chính đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty Thuỷ điện Vĩnh Sơn –Sông Hinh. Tuy nhiên, trong thời gian trước mắt, giá bán điện cho EVN vẫn ổn định trong khung giá của Bộ Công Nghiệp, sau đó mức giá sẽ cạnh tranh khi các nhà máy sản xuất điện tham gia vào thị trường cạnh tranh. Mức giá theo hợp đồng hiện nay: mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 6 năm sau) là 580đ/kWh; mùa mưa (từ tháng 7 đến tháng 9) là 476đ/kWh là mức giá cạnh tranh khi thị trường phát điện cạnh tranh được thiết lập.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Đức Đối	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông: Trần Lê Cảnh	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Võ Thành Trung	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Đậu Minh Lâm	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Đỗ Thanh Hương.

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN:	Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước
Công ty:	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI
Điều lệ Công ty:	Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
NMTĐ:	Nhà máy thủy điện
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt nam
Sản lượng điện xuất tuyến	Sản lượng điện sản xuất trừ đi lượng điện tự dùng, được đấu nối trực tiếp vào hệ thống điện quốc gia

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức phát hành

❖ Tên, địa chỉ của tổ chức phát hành

- Tên gọi: Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
- Tên giao dịch quốc tế: Vinh Son – Song Hinh Hydropower Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VSHPC
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84.056) 892.792 Fax: (84.056) 891 975

- Mã số thuế: 4100562786

- Logo:

- Website: www.vshpc.evn.com.vn

- Vốn điều lệ : 1.250.000.000.000 VNĐ (một ngàn hai trăm năm mươi tỷ đồng)

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh tiền thân là Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn trực thuộc Công ty Điện Lực III, được khởi công xây dựng vào ngày 15/9/1991. Nhà máy chính thức đưa vào sản xuất và hòa lưới điện quốc gia vào ngày 04/12/1994. Với công suất 66MW và sản lượng điện hàng năm 230 triệu KWh, Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn là nhà máy thuỷ điện có quy mô lớn đầu tiên ở miền Trung và Tây Nguyên.

Năm 1999, để nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống điện và tận dụng kinh nghiệm tích luỹ trong quản lý vận hành nhà máy điện của đội ngũ quản lý của Nhà máy Vĩnh Sơn, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) đã giao nhiệm vụ cho Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn quản lý và vận hành dự án Nhà máy Thuỷ điện Sông Hinh với công suất 70MW, sản lượng điện hàng năm 370 triệu kWh. Từ tháng 7 năm 2000, Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn được đổi tên thành Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Tháng 11 năm 2003, theo Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 28/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02/12/2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh. Đây là một bước chuyển quan trọng trong quá trình hoạt động của Nhà máy.

Ngày 4/5/2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04/05/2005.

Ngày 14/07/2005, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày 03/07/2006, Công ty cổ phần Vĩnh Sơn - Sông Hinh ngừng giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội để chuyển sang giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 18/07/2007, Công ty cổ phần Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

❖ **Trụ sở chính của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: (84.056) 892.792 Fax: (84.056) 891975

Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh hiện có hai nhà máy thuỷ điện bao gồm:

- Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn đặt tại xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
- Nhà máy Thuỷ điện Sông Hinh đặt tại xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

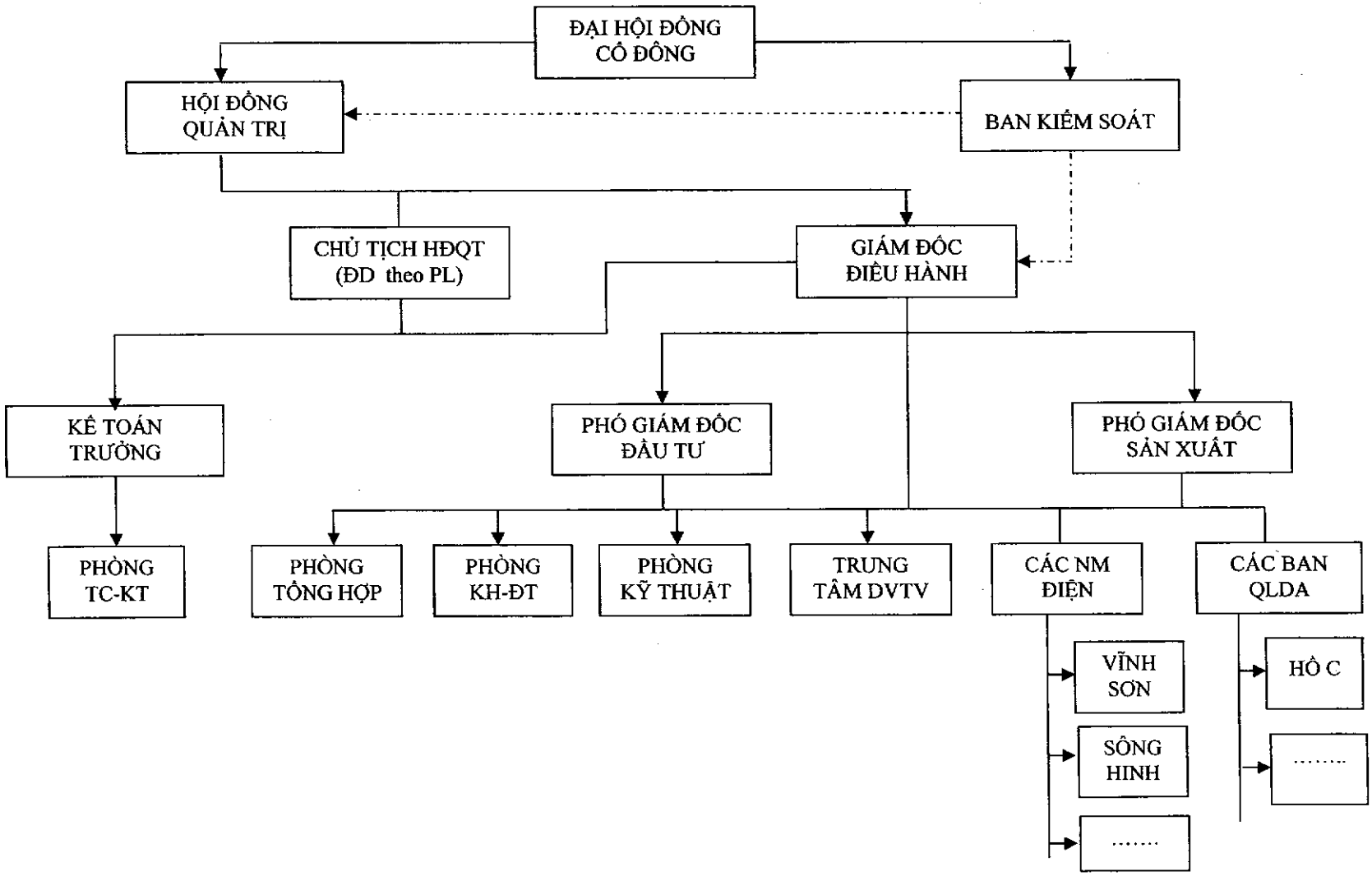

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giám đốc

Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 2 Phó Giám đốc, một phụ trách về đầu tư và một phụ trách sản xuất.

Các phòng chức năng

Phòng Kế hoạch- Đầu tư

Phòng Kế hoạch - Đầu tư có chức năng giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kế hoạch, thống kê về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng; kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng; xúc tiến đầu tư và theo dõi các dự án đầu tư xây dựng; công tác đấu thầu; công tác quản lý vật tư cho sản xuất kinh doanh.

Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp có chức năng giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác hành chính quản trị; tổ chức bộ máy quản lý điều hành; quản trị nhân sự; quản lý lao động, chế độ và chính sách đối với người lao động; thanh tra, bảo vệ, pháp chế; thi đua, tuyên truyền.

Phòng Kỹ thuật

Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác quản lý chất lượng; kỹ thuật công nghệ; sản xuất điện năng; công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động; công tác sáng kiến; cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo công nhân viên kỹ thuật.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính; công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

Các bộ phận sản xuất dịch vụ

Các Nhà máy điện

Các Nhà máy điện là đơn vị sản xuất điện năng - ngành nghề sản xuất chính của Công ty. Hiện Công ty sở hữu 2 nhà máy là Nhà máy điện Vĩnh Sơn hiện có 42 người và Nhà máy điện Sông Hinh hiện có 44 người. Đứng đầu khu vực Nhà máy điện là Trưởng khu vực. Trưởng khu vực là người thay mặt Giám đốc trực tiếp tổ chức công tác sản xuất tại các nhà máy điện, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty.

Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật

Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật là đơn vị làm dịch vụ sửa chữa, các dịch vụ kỹ thuật (giám sát, tư vấn, đào tạo...). Trưởng Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật là những người thay mặt Giám đốc trực tiếp tổ chức công tác sản xuất tại các nhà máy điện, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty

Ban Quản lý dự án

Tuỳ theo yêu cầu đầu tư, Hội đồng quản trị có thể thành lập một hoặc một số Ban quản lý dự án để quản lý các dự án do Công ty làm chủ đầu tư. Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ban Quản lý dự án có thể là chuyên trách hay kiêm nhiệm

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Tính đến thời điểm 15/03/2007, số cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần theo danh sách sau:

Bảng 2: *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/03/2007*

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt nam	18 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	75.000.000	60,0
Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam	35 Hai Bà Trưng, Hà Nội	6.964.558	5,57
Tổng cộng		**81.964.558**	**65,57**

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3: *Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2007*

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt nam	18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	75.000.000	60,0
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Toà nhà Vincom -191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.000.000	0,8
Vũ Hiền	55 tổ 74 Khu Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội	1.000.000	0,8
Tổng cộng		**77.000.000**	**61,6**

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: *Cơ cấu vốn cổ đông thời điểm 15/03/2007*

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	SL cổ đông
Tổng số cổ phần	**125.000.000**	**1.250.000.000.000**	**100**	**2.830**
Cổ đông tổ chức	**115.507.396**	**1.155.073.960.000**	**92,4**	**46**
Cổ đông nước ngoài	26.086.535	260.865.350.000	20,87	23
Cổ đông trong nước	89.420.861	894.208.610.000	71,53	23
Cổ đông cá nhân	**9.492.604**	**94.926.040.000**	**7,6**	**2.784**
Cổ đông nước ngoài	345.730	3.457.300.000	0,28	233
Cổ đông trong nước	9.146.874	91.468.740.000	7,32	2.551

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Danh sách công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

5.2 Danh sách công ty mà tổ chức phát hành nắm cổ phần chi phối

Hiện nay, Công ty đã đầu tư 9.812.957.192 đồng và nắm cổ phần chi phối (53,8% vốn điều lệ) đối với Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3503000058 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04/05/2005, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thuỷ điện;
- Tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thuỷ điện
- Thí nghiệm điện;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thuỷ điện.

6.2 Sản lượng điện sản xuất qua các năm

Bảng 5: *Thống kê sản lượng điện phát giai đoạn 1995 - 31/03/07*

Năm	Sản lượng điện thực hiện hàng năm (kWh)		Tổng cộng (kWh)
	NMTĐ Vĩnh Sơn	NMTĐ Sông Hinh	
1995	240.686.000		240.686.000
1996	337.969.000		337.969.000
1997	286.266.800		286.266.800
1998	210.530.000		210.530.000
1999	419.444.000		419.444.000
2000	350.463.000	207.660.000	558.123.000
2001	214.570.000	440.640.000	655.210.000

2002	217.965.000	369.996.000	587.961.000
2003	269.875.000	402.046.000	671.921.000
2004	217.972.510	359.451.000	577.423.510
2005	184.568.860	289.747.500	474.316.360
2006	331.280.000	397.290.000	728.570.000
Từ 01/01/07 đến 31/03/07	57.170.000	101.260.000	158.430.000
Tổng cộng	***3.338.760.170***	***2.568.090.500***	***5.906.850.670***

Từ năm 1995 đến 04/05/2005, Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc EVN nên không có số liệu về doanh thu từ điện năng sản xuất ra. Từ 04/05/2005, Công ty chuyển hoạt động sang hình thức công ty cổ phần, sản lượng điện năng sản xuất ra sau khi trừ đi sản lượng điện tự dùng (khoảng 1,3%) sẽ được đấu nối trực tiếp vào hệ thống lưới điện quốc gia.

Giá trị sản lượng điện sản xuất của Công ty chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong tổng doanh thu.(chiếm 99% doanh thu).

6.3 Chi phí sản xuất

Khấu hao tài sản cố định và lãi vay là yếu tố cấu thành chủ yếu của tổng chi phí sản xuất của Công ty. Các chi phí khác bao gồm vật liệu phụ, lương công nhân, chi phí sửa chữa lớn, các dịch vụ mua ngoài... chiếm phần trăm không đáng kể trong tổng chi phí.

Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2005 chiếm tỷ lệ 53,7% doanh thu, năm 2006 là 43,6% doanh thu. Tỷ lệ này là ngang bằng với các Công ty sản xuất điện của EVN. Ngoài ra, chi phí sửa chữa lớn chiếm tỷ lệ thấp, dưới 0,25% giá trị tài sản, do chất lượng thiết bị đảm bảo và công trình thủy công ổn định.

Bảng 6: *Chi phí sản xuất 2005 - 31/03/2007*

Đvt: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2005 (*)	Thực hiện Năm 2006	Kế hoạch năm 2007
	Tổng chi phí	**107.467,41**	**190.493,9**	**194.241,0**
1	***Chi phí hoạt động***	***7.717,91***	***14.330,4***	***16.300,0***
-	Chi phí vật liệu phụ	1.076,22	1.571,0	1.600,0
-	Chi phí nhân công	3.488,82	5.375.2	6.018,0

-	BHXH, BHYT, KPCĐ	162,16	414.2	550,0
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.693,82	2.301.7	1.500,0
-	Chi phí sửa chữa lớn	1,98	2.351.8	4.382,0
-	Ăn ca	292,4	464.5	650,0
-	Chi phí khác	1.002,5	1.852.0	1.600,0
2	***Thuế tài nguyên***	***3.916,2***	***9.883,0***	***7.941,0***
3	***Trả lãi***	***16.601,27***	***19.310,5***	***17.000,0***
4	***Khấu hao***	***79.232,05***	***146.970,0***	***153.000,0***

(*) Số liệu năm 2005 được tính từ thời điểm thực hiện cổ phần hóa ngày 04/05/2005

6.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất.

Công ty Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh hiện đang sở hữu, quản lý và vận hành 2 nhà máy thuỷ điện: Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và Nhà máy Thủy điện Sông Hinh.

Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn:

Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn chính thức đưa vào vận hành vào 4/12/1994. Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư dự án "Công trình hồ C thuỷ điện Vĩnh Sơn". Nhiệm vụ của công trình là chuyển nước điều tiết từ hồ C trên thượng nguồn sông Ba sang hồ B hiện có của Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dự toán là 203,94 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực sản xuất và làm gia tăng sản lượng điện trung bình hàng năm của nhà máy Vĩnh Sơn thêm 78,2 triệu kWh. Trong năm 2006, Công ty đã đưa vào sử dụng từng phần hạng mục đã hoàn thành và đã thực hiện việc điều tiết nước từ hồ C sang hồ B. Dự án Hồ C đến nay đã hoàn thành, nhưng chưa nghiệm thu cuối cùng để đưa vào sử dụng. Các đơn vị thi công đang hoàn tất các hồ sơ hoàn công và các thủ tục pháp lý theo XDCB, sau đó mới nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư và quyết toán công trình. Dự kiến là 30/6/2007 các đơn vị thi công sẽ hoàn tất hồ sơ.

Các thông số kỹ thuật theo thiết kế và máy móc của nhà máy được tóm tắt như sau:

- Công suất lắp đặt: 66MW
- Điện năng sản xuất: 306,7 triệu kWh/năm
- Các công trình chính

  3 Hồ chứa: Dung tích hồ A: là 43 x 10^6 m^3 , dung tích hữu ích 22 x $10^6 m^3$, mực nước dâng bình thường 775 m, mực nước chết 765m.

Dung tích hồ B: là $97x10^6$ m^3, dung tích hữu ích $80x10^6m^3$, mực nước dâng bình thường 862m, mực nước chết 813,6m.

Dung tích hồ C: là $68,6x10^6m^3$, dung tích hữu ích $30x10^6m^3$, mực nước dâng bình thường 985m, mực nước chết 977,5m.

- Các thiết bị chính:

Tuabin: Penton trục đứng, tốc độ quy định mức n = 600 v/ph, cột nước tính toán H=588m, lưu lượng nước qua 1 tuabin $6,48m^3$/giây.

Máy phát điện: Do hãng GEC ALSTHOM (Pháp) sản xuất, công suất biểu kiến 40MVA, điện áp ra U = 13,8kV

Nhà máy Thủy điện Sông Hinh:

Nhà máy thuỷ điện Sông Hinh được đưa vào vận hành tháng 7 năm 2000. Các thông số kỹ thuật theo thiết kế và máy móc được tóm tắt như sau:

- Công suất lắp đặt: 70MW
- Điện năng sản xuất: 370 triệu kWh/năm.
- Các công trình chính

Hồ chứa: Dung tích hồ là $357x10^6$ m^3, dung tích hữu ích $323x10^6m^3$, mực nước dâng bình thường 209 m, mực nước chết 196m.

- Các thiết bị chính:

Tuabin: Do hãng KVAENER (Na Uy) sản xuất, tốc độ quay định mức n = 500 v/ph, cột nước tính toán H=141m, lưu lượng nước qua 1 tuabin $27.6m^3$/giây.

Máy phát điện: Do hãng ABB (Thuỵ Điển) sản xuất, công suất biểu kiến 41,2 MVA, điện áp ra U = 10,5kV

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh sản xuất điện, Công ty chỉ có 1 lĩnh vực sản xuất duy nhất đó là sản xuất điện năng. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty bổ sung lĩnh vực kinh doanh mới là bất động sản và đầu tư xây dựng các dự án điện.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Sản phẩm điện là sản phẩm đặc thù, sản xuất và tiêu thụ song song với nhau, không có hàng tồn kho. Do đó chất lượng được kiểm định trực tiếp thông qua Trung tâm điều hành lưới điện quốc gia (Ao) và các trung tâm điều độ miền Trung.

Trong thời gian qua cùng với việc từng bước củng cố tổ chức hoạt động, với uy tín hiện có, Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh không ngừng tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp điện cho khách hàng bằng việc tiến hành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Ngày 25/11/2005, Công ty đã được tổ chức BM TRADA cấp giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong lĩnh vực Sản xuất điện năng. Đầu năm 2007 chuyển đổi tổ chức chứng nhận là TQCSI.

6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng.

6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Theo Hợp đồng mua bán điện số 5/2005/EVN-VSHPC/IPP được ký vào ngày 20/5/2005 giữa Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, toàn bộ điện năng do hai nhà máy của Công ty sản xuất ra được bán cho EVN theo đơn giá như sau:

+ Mùa mưa (1/7-30/9): 476,00 đ/kWh.

+ Mùa khô (1/10-30/6): 580,00 đ/kWh.

Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2008. Tuy nhiên, theo công văn số 450/CV-EVN-TTĐ ngày 29/12/2006 của EVN về việc chính thức triển khai vận hành thị trường phát điện cạnh tranh thí điểm nội bộ bắt đầu từ 0h ngày 3/1/2007. Vì vậy, hợp đồng mua bán điện được điều chỉnh, theo đó lượng điện năng phát ra sẽ được tính toán và thanh toán theo phụ lục sửa đổi bổ sung ký ngày 12/03/2007

Theo đó, thỏa thuận trong hợp đồng là cam kết về mặt tài chính được sử dụng để tính toán tiền điện mua bán trên thị trường điện giữa bên mua và bên bán, không phải là cam kết bao tiêu về sản lượng giữa hai bên.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 7: *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 04/05/2005 – Quý I/2007*

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	04/05/2005 - 31/12/05 (*)	Năm 2006	Quý I/ 2007
1	Tổng giá trị tài sản	1.984.102	1.896.536	1.949.509
2	Tổng giá trị sản lượng điện (kWh)	351.318.560	728.570.000	158.430.000
3	Doanh thu thuần	202.170	436.625	92.583
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85.935	270.379	59.417
6	Lợi nhuận khác	11	509	3
7	Lợi nhuận trước thuế	85.946	270.888	59.420
8	Lợi nhuận sau thuế	85.946	270.888	59.420
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)(**)	99,65	64,2	-

(*) Từ thời điểm 04/05/2005, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Báo cáo tài chính từ 04/05/2005 đến 31/12/2006 là báo cáo tài chính có kiểm toán. Báo cáo Quý 1/2007 là báo cáo quyết toán của Công ty.

(**) Tỉ lệ này được tính bằng số tiền thanh toán cổ tức trong năm/ lợi nhuận sau thuế.

Ghi chú: Báo cáo quý I/2007 là báo cáo chưa hợp nhất.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2005 đến quý I/2007

Đặc thù hoạt động của nhà máy thủy điện là phụ thuộc chính vào nguồn nguyên liệu thiên nhiên là sức nước. Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi điều kiện thời tiết hàng năm và các mùa trong năm.

Bên cạnh đó, hoạt động của nhà máy thuỷ điện cũng phụ thuộc nhiều vào độ ổn định của các thiết bị cũng như quá trình sản xuất vận hành nhà máy. Tuy nhiên, do chất lượng thiết bị bảo đảm, công trình thủy công đã hoạt động ổn định cùng với kinh nghiệm vận hành nhà máy thủy điện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, số lượng sự cố đã được quản lý trong mức cho phép, nên các nhân tố trên cũng ít ảnh hưởng lớn đến năng lực sản xuất điện của Công ty.

Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng do điều kiện tự nhiên tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty đang tiến hành tìm kiếm cơ hội mở rộng địa bàn và lĩnh vực đầu tư nhằm chia sẽ rủi ro trong những năm thời tiết bất lợi.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Chiến lược phát triển điện cần phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đẩy mạnh điện khí hoá nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ đầu tư những công trình phát điện có công suất từ 100 MW trở lên, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư các công trình có công suất nhỏ hơn. Phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại hệ thống truyền tải, phân phối nhằm nâng cao độ tin cậy, an toàn cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng.

Tính đến tháng 31/12/2005, hệ thống điện có tổng công suất đặt nguồn điện là 11.340 MW, trong đó nguồn thuộc EVN là 8.822 MW bao gồm các các nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện, tuabin khí, diesel và các nguồn ngoài khác(chiếm 77,8%) và các nguồn ngoài EVN là 2.518 MW (22,2%).[1]

Đối với lĩnh vực thuỷ điện, tổng công suất phát điện của các nhà máy trực thuộc EVN là 4.155 MW, chiếm 97% trong tổng công suất của các nhà máy thuỷ điện trên cả nước. Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh với công suất 136 MW chiếm khoảng 3,3% trong tổng công suất nguồn thủy điện của EVN, và chiếm1,2% tổng công suất phát điện của quốc gia. Công ty là công ty thuỷ điện có quy mô lớn đầu tiên ở miền Trung và Tây Nguyên.

Bảng8: *Danh sách và công suất của các nhà máy thủy điện thuộc EVN tính đến 31/12/2005*[2]

STT	Tên nhà máy thuỷ điện	Công suất khả dụng (MW)
1	Trị An	420
2	Thác Bà	120
3	Hoà Bình	1.920
4	Yaly	720
5	Vĩnh Sơn – Sông Hinh	136
6	Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	635
7	Thác Mơ	150
8	Thuỷ điện nhỏ	46
	Tổng cộng	**4.155**

[1] Nguồn: Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét triển vọng đến 2025 (Báo cáo dự thảo cuối cùng)
[2] Nguồn: www.evn.com.vn

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Giới thiệu chung về thị trường điện

Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu, trong đó Tập Đoàn Điện lực Việt Nam là tổ chức cung cấp điện lớn nhất cho toàn thị trường. Thuỷ điện đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động cung cấp điện năng. Chiến lược của ngành điện trong những năm tới là phát huy tối đa các nguồn lực để xây dựng các nhà máy điện, nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng gia tăng trong xã hội. Hiện tại, ngành điện đang hướng tới một thị trường điện cạnh tranh, trong đó EVN đóng vai trò trung gian truyền tải điện và các nhà sản xuất điện cạnh tranh về giá để cung cấp điện cho thị trường.

Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một nước đang phát triển nên nhu cầu điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất lớn. Ước tính, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện năng trong vòng 5 năm qua tăng xấp xỉ 15%/năm[3], vượt quá khả năng đáp ứng của ngành điện. Xu thế tăng trưởng này dự báo là ổn định và sẽ kéo dài tới năm 2010. Với mức tăng bình quân nhu cầu phụ tải 15%/năm, nhu cầu điện đạt mức 61,4 tỷ kWh năm 2006, 71,012 tỷ kWh năm 2007 và 93 tỷ kWh năm 2010[4] và năm 2020 đạt sản lượng từ 201 đến 250 tỷ kWh

Theo tính toán của ngành điện, đến năm 2015 nhu cầu điện của nước ta sẽ gấp 4 lần hiện nay (khoảng 190 tỷ kWh), dự báo tốc độ tăng phụ tải là 15 - 17% năm cùng với chủ trương xã hội hóa đầu tư nguồn điện của Nhà nước đã mở ra nhiều cơ hội đầu tư trong lĩnh vực này. Một mặt, tình hình thiếu điện gay gắt hiện nay và nguy cơ thiếu điện trong những năm tói cho thấy tính cấp thiết trong việc xây dựng bổ sung nguồn điện.

Việt Nam với đặc điểm địa lý có hệ thống sông ngòi dày đặc rất thuận lợi cho công tác phát triển thủy điện. Trong tổng nguồn cung điện nước ta hiện nay, thuỷ điện vẫn chiếm ưu thế (xấp xỉ 50%). Trong tương lai, để đáp ứng được nhu cầu điện tăng cao, giai đoạn 2006-2010, cần xây dựng mới và mở rộng thêm 42 nhà máy thuỷ điện với tổng công suất khoảng 4.827 MW. Trong khoảng 20 năm tới dự kiến sẽ xây dựng hầu hết các nhà máy thuỷ điện tại những nơi có khả năng xây dựng, tổng công suất của các nhà máy thuỷ điện đến năm 2020 khoảng 13.000-15.000 MW5.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng chung của ngành, chính sách của Nhà nước

Điện lực là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc

[3] Nguồn: www.evn.com.vn
[4] Nguồn: www.evn.com.vn; http://www.vir.com.vn/Client/Dautu/dautu.asp?CatID=9&DocID=8278
[5] Nguồn: Chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến 2020.

công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng với tốc độ trung bình 8%/năm và đi kèm với nó là tốc độ tăng trưởng nhu cầu về điện khoảng 12%/năm. Do đó, ngành điện là ngành luôn có cung nhỏ hơn cầu.

Bên cạnh việc vận hành các nhà máy điện hiện tại, Chính phủ và EVN khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước tham gia xây dựng các công trình nguồn điện theo hình thức nhà máy điện độc lập (IPP), hình thức hợp đồng xây dựng-vận hành-chuyển giao (BOT) và hình thức liên doanh với nước ngoài.[6]

Định hướng phát triển của Công ty là nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện mới phù hợp với chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư của Chính phủ đối với ngành điện.

9. Chính sách đối với người lao động

– Số lượng người lao động tại thời điểm 31/03/2007 là 120 người, chi tiết như sau:

Bảng 9 : *Cơ cấu lao động của Công ty*

Loại lao động	Số lượng			Tỉ lệ
	Nam	Nữ	Tổng	
Phân theo trình độ học vấn				
1. Đại học, trên đại học	47	6	53	44,2%
2. Cao đẳng	4	0	4	3,3%
3. Trung cấp	3	1	4	3,3%
4. Công nhân kỹ thuật	53	0	53	44,2%
5. Chưa đào tạo	4	2	6	5%
Tổng	**111**	**9**	**120**	**100%**
Phân theo phân công lao động				
1. Lao động quản lý khác	36	9	45	37,5%
2. Lao động trực tiếp	75	0	75	62,5%
Tổng	**111**	**9**	**120**	**100%**

- Tính đến 31/03/2007, Công ty đang sử dụng 120 lao động, trong đó 110 người có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 7 người có hợp đồng lao động thời hạn 3 năm, 3 người có hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm.

- Chế độ làm việc:

[6] Nguồn www.evn.com.vn

- *Chính sách đào tạo và tuyển dụng:* Công tác đào tạo chính là điểm mạnh của Công ty. Do tiếp nhận hai nhà máy có công nghệ vào loại tiên tiến, lãnh đạo Công ty rất chú trọng tới việc tập trung xây dựng năng lực đào tạo nghiệp vụ và kỹ thuật cho các công nhân để có đủ năng lực vận hành nhà máy ngay từ thời gian đầu. Các chương trình đào tạo tổ chức tại nhà máy được thiết kế để bổ sung kiến thức và cơ cấu lại lực lượng lao động. Hiện nay Công ty đã ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo. Phương châm của Công ty là tuyển dụng nhân tài, trả lương cao cho những cán bộ chủ chốt, các bộ phận chủ yếu trực tiếp trong dây chuyền sản xuất điện năng.

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi :

- Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động:

- Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của nhà nước.
- Không thấp hơn tiền lương bình quân trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phân phối tiền lương theo lao động, cụ thể:
  - Đối với lao động thực hiện các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao; có nhiều kinh nghiệm và thành thục kỹ năng nghề nghiệp; kiêm nhiệm nhiều công việc; điều kiện công tác khó khăn nhưng vẫn hoàn thành nhiệm vụ; thực tế đóng góp nhiều vào hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty thì được trả lương cao để đảm bảo thu hút, duy trì những NLĐ giỏi và kích thích, động viên tính tích cực trong công việc của từng vị trí tác nghiệp.
  - Lương được trả theo kết quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận. Khi thay đổi vị trí, chức danh thì tiền lương sẽ thay đổi phù hợp với vị trí, chức danh mới.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để SXKD đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài các chính sách nói trên, các chính sách khác được áp dụng theo đúng Luật Lao động như người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trả lương theo đúng nội dung hợp đồng lao động và theo Luật Lao động của Việt Nam quy định, được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động, được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập, được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc v.v..

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo 6 tháng 1 lần. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2005 Công ty thực hiện chi trả cổ tức với tỉ lệ 7% bằng tiền mặt.(tính cho 8 tháng bởi công ty bắt đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ thời điểm 04/05/2005)

Năm 2006 Công ty thực hiện chi trả cổ tức với tỉ lệ 14%. Toàn bộ cổ tức trong năm đã được thanh toán đầy đủ bằng tiền mặt.

Trong những năm tiếp theo, Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông ở mức ổn định từ 12-14%/năm

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.

Các chỉ tiêu cơ bản bao gồm các mục như tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên, các khoản nộp theo luật định, tỉ lệ trích lập các quỹ và tình hình công nợ hiện nay và khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- *Trích khấu hao tài sản cố định:* Do đặc thù của nhà máy thuỷ điện là phần lớn tài sản cố định là những thiết bị, máy móc chuyên dụng (thiết bị nhà máy, trạm biến áp, tổ máy phát điện...) cùng hệ thống đập, kênh, cống... nên tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được áp dụng theo phương pháp đường thẳng, theo quy định của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 -50
Máy móc thiết bị	7-15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5-10
Thiết bị văn phòng	5-10

- *Mức lương bình quân:* Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2006 là 4.000.000 đồng/người/tháng, đạt mức khá so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Mức thu nhập bình quân này đảm bảo được mức sống cho người lao động làm việc ở các nhà máy xa khu vực dân cư.

- *Thanh toán các khoản nợ đến hạn:* Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thực hiện đầy đủ việc thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả.

- *Các khoản phải nộp theo luật định:* Công ty thực hiện đầy đủ việc nộp thuế hàng năm cho Nhà nước theo đúng luật định.

- *Trích lập các quỹ theo luật định:* Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo các quy định tại Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

  a. Quỹ dự phòng tài chính: trích từ 1-5% lợi nhuận sau thuế. Khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích thêm.

  b. Quỹ đầu tư phát triển: trích tối thiểu bằng 30% lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức và trích Quỹ dự phòng tài chính.

  c. Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty: Mức trích mỗi năm không quá 500 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ sở hữu phải lớn hơn hoặc bằng tỷ suất lợi nhuận kế hoạch và mức chi cổ tức lớn hơn hoặc bằng mức cổ tức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

  d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức và trích các Quỹ nêu trên sẽ được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Tuỳ theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, mức trích cho người lao động tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/năm.

- *Tổng dư nợ vay*

Vay ngắn hạn

Tại thời điểm 31/03/2007, công ty không có dư nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn đến hạn trả là: 109.823.092.738 đồng

Vay dài hạn

Đối với các khoản nợ vay dài hạn, Công ty có nhiều nguồn tài trợ lãi suất thấp (SIDA Thụy Điển, Quỹ phát triển Bắc Âu, Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu), các tổ chức và ngân hàng quốc doanh (Ngân hàng đầu tư và phát triển Phú Yên, Quỹ hỗ trợ phát triển Phú Yên).

Bảng 10: *Danh sách các khoản vay dài hạn tại 31/03/2007*

TT	Tên	Dư Nợ vay (đồng) (31/03/2007)	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay (tháng)	Thời gian còn lại đến hạn trả (tháng)	Thời điểm trả nợ gốc đầu tiên
I	Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định (VNĐ)	5.628.915.500	Thả nổi	42	24	tháng 6/06

II	Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (vay bằng VNĐ)	63.320.611.336	7%	120	30	07/03
III	Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (*)					
1	SIDA Thụy Điển (vay USD)	6.215.382,55	0%	60	30	01/06/05
2	Quỹ phát triển Bắc Âu (NDF), (vay bằng USD)	7.959.386,43	0%	360	330	01/12/05
3	Ngân hàng đầu tư Bắc Âu (NIB) (vay bằng USD)	7.660.847,94	Thả nổi	120	75	01/06/05
	Cộng USD	21.835.616,92				
	Quy đổi VND (tỉ giá: 16.101)	351.575.268.029				
Tổng cộng (I+II+II)		**420.565.679.295**				

(*) Các khoản vay này ngoài lãi suất vay bị chịu phí quản lý vốn vay bằng 0,2% tính trên dư nợ vay

- *Tình hình công nợ (nợ phải thu, nợ phải trả)*

Tại thời điểm 31/03/2007, tình hình công nợ của Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh như sau:

- Các khoản phải thu:	43.241.293.827 đồng
- Nợ phải trả:	547.128.551.983 đồng
trong đó	
Nợ ngắn hạn:	126.562.872.688 đồng
Nợ dài hạn:	420.565.679.295 đồng

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi nào.

- *Khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Tại báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2006 có lưu ý như sau: Giá trị của khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2006 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là 143.403.931.974 đồng (năm 2005 là 104.365.782.372 đồng). Các công trình xây dựng này chưa được hoàn thành nên giá trị của chúng chưa được kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 - Kiểm toán Báo cáo quyết toán đầu tư hoàn thành. Vì vậy, giá trị công trình có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại thời điểm 31/03/2007, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty như sau:

Bảng11: *Bảng kê chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/03/2007*

Tên hạng mục, công trình	Giá trị (VNĐ)
1- Công trình Dự án Hồ C Vĩnh Sơn	126.598.644.886
2- Đường tránh hồ Định Bình (Đường vận hành DZ 110kV)	19.670.181.752
3-Dự án thủy điện Thượng KonTum	19.931.408.056
4-Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2-3	233.151.058
5-Dự án thủy điện Đồng Cam	139.714.189
Tổng cộng	**166.573.099.941**

Trong 166.573.099.941 đồng chi phí xây dựng cơ bản dở dang có 83.877.540.652 đồng là giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước (Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh) theo quyết định số 220/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ công nghiệp ngày 25/01/2006 về việc Xác định giá trị phần vốn Nhà nước và Quyết toán chi phí cổ phần hoá của nhà máy thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (4/05/2005). Giá trị còn lại: 82.695.559.289 đồng là các chi phí phát sinh trong kỳ báo cáo, bao gồm các chi phí phục vụ cho công trình xây dựng cơ bản hồ C là 42,7 tỉ, và các hạng mục công trình từ mục 2 đến mục 5 tại bảng 11.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu từ 04/05/2005 đến quý I/2007*

Chỉ tiêu	Từ 04/05 - 31/12/2005	Năm 2006	Quý I/2007
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,74	1,27	1,90
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,60	1,08	1,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,29	0,28
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ	0,10	0,07	0,06
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	3,23	7,03	1,56
Vòng quay khoản phải thu = Doanh thu thuần /các khoản phải thu bình quân	7,95	15,98	3,60

Vòng quay TSCĐ = doanh thu thuần/tài sản cố định bình quân	0,11	0,25	0,05
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,43	0,62	0,64
ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,14	0,03
ROE = Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH	0,07	0,20	0,04
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,43	0,62	0,64

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị

12.1.1. Ông: Nguyễn Đức Đối

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/05/1949
- Số CMND 215118128 cấp ngày 08/08/2005 tại Bình Định
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
  - 10/1971 - 03/1972: Kỹ sư thi công - Đoàn kiểm tra thủy lợi TW - Văn phòng Bộ thủy lợi
  - 03/1972 -03/1980: Phó phòng kỹ thuật Công ty Xây dựng Thuỷ lợi 3 - Bộ Thuỷ lợi
  - 03/1980-11/1986: Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Ban chỉ huy công trường – Công ty Xây dựng Thuỷ lợi 7- Bộ Thuỷ lợi
  - 11/1986-07/1994: Quyền Trưởng phòng/ Trưởng phòng Kỹ thuật/ Phó giám đốc Ban QLCT Thuỷ điện Vĩnh Sơn
  - 07/1994 – 05/2005: Giám đốc Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
  - 05/2005 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

- Số cổ phần nắm giữ:	75.503.300 cổ phần
- Tỷ lệ:	60,4%
Trong đó	
Đại diện cho EVN	75.000.000 cổ phần (tỉ lệ 60%)
Cá nhân	503.300 cổ phần (tỉ lệ 0,4%)
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.1.2. Ông: Trần Lê Cảnh

- Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/01/1966
- Số CMND	211026408 cấp ngày 25/10/2000 tại Bình Định
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:	
▪ 02/1991 - 8/1994	Cán bộ giám sát kỹ thuật ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
▪ 08/1994 - 03/1999	Phó phòng kỹ thuật / Trưởng phòng kỹ thuật - sản xuất Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn.
▪ 04/1999 - T05/2005	Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật và sản xuất Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
▪ 05/2005 đến nay	Giám đốc công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Số cổ phần nắm giữ:	36.370
- Tỷ lệ:	0,03%
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

12.1.3 Bà Đặng Thị Hồng Phương

- Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Giám đốc Dự án công ty quản lý quỹ Công ty Chứng khoán Sài Gòn
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	05/07/1957
- Số CMND	011217661 cấp ngày 30/07/2003 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác	
▪ 1981 - 1994	Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam
▪ 1994 - 1998	Trưởng phòng phi hàng hải - công ty tái bảo hiểm Việt Nam
▪ 1999 - 2001	Trưởng phòng Đầu tư Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam
▪ 2001 -11/2005	Giám đốc trung tâm đầu tư Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam
▪ 11/2005 - 3/2007	Giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư Bảo việt (BVFMC)
▪ 3/2007 đến nay	04/2007- nay: Giám đốc phụ trách dự án thành lập Công ty quản lý quỹ Công ty Chứng khoán Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ:	30.000
- Tỷ lệ:	0,02
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.1.4 Ông: Trịnh Văn Tuấn

- Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Chủ tịch HĐQT VIBank
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	28/11/1965
- Số CMND	113335600 cấp ngày 05/07/2005 tại Hòa Bình
- Trình độ văn hóa:	10/10

- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chuyên ngành điện tử
- Quá trình công tác:	
▪ 1994 - 1996	Kinh doanh tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam
▪ 1996 - 2002	Ủy viên HĐQT ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam
▪ 2002 đến nay	Chủ tịch HĐQT ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ:	1.053.263
- Tỷ lệ:	0,84%
Trong đó:	
+ Đại diện VIBank	*1.053.263*
+ Cá nhân:	*0*
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.1.5 Ông: Võ Thành Trung

- Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/10/1967
- Số CMND	211198483 cấp ngày 25/19/2000 tại Bình Định
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế ngành kế toán công nghiệp
- Quá trình công tác:	
12/1988 - 08/1994	Kế toán ban quản lý dự án thủy điện Vĩnh Sơn
08/1994 - 03/2006	Kế toán, Trưởng phòng tài chính kế toán công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
03/2006 đến nay	Ủy viên HĐQT -Kế toán trưởng công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Số cổ phần nắm giữ:	196.580
- Tỷ lệ:	0,16%

- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

12.2 Danh sách Ban giám đốc

12.2.1 Ông Trần Lê Cảnh

(xem tại mục 12.1.2)

12.2.2 Ông Đỗ Phong Thu

- Chức vụ hiện tại:	Phó giám đốc đầu tư công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	03/02/1955
- Số CMND	113048001 cấp ngày 19/03/1996 tại Hòa Bình
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:	
04/1980- 12/1996	Kỹ sư xây dựng Công ty xây dựng thủy công - Công ty XD Sông Đà 6- Tổng công ty XD Sông Đà
01/1997 - 12/2001	Giám đốc công ty XD Sông Đà 6, Phú Yên
01/2002 - 07/2002	Giám đốc Ban QLDA thủy điện Se San 3A, Gia Lai
08/2002 - 12/2002	Trưởng phòng KHĐT tổng công ty Sông Đà
01/2003 - 12/2004	Giám đốc BQL ĐT&XD các nhà máy thủy điện thuộc Vinaconex/ Giám đốc Công ty cổ phần ĐT&PT điện miền bắc 2, Lào Cai.
01/2005 - 08/2005	Chuyên viên sở KH&ĐT lào Cai
09/2005 đến nay	Phó giám đốc đầu tư công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Số cổ phần nắm giữ:	25.000
- Tỷ lệ:	0,02%
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không

- Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

12.2.3 Ông: Nguyễn Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại:	Phó giám đốc sản xuất công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	20/10/1966
- Số CMND	210991314 cấp ngày 15/07/2004 tại Bình Định
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sơ cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:	
▪ 07/1992 - 10/1994	Cán bộ phòng kỹ thuật BQL công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
▪ 10/1994 - 07/2005	Phó phòng kỹ thuật/ Trưởng phòng kỹ thuật - sản xuất Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn.
▪ 07/2005 đến nay	Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Số cổ phần nắm giữ:	11.220
- Tỷ lệ:	0,01%
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.3 Danh sách Ban kiểm soát

12.3.1 Ông: Đậu Minh Lâm

- Chức vụ hiện tại:	Trưởng ban kiểm soát - công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	25/10/1978
- Số CMND	182186297 cấp ngày 01/04/1996 tại Nghệ An
- Trình độ văn hóa:	12/12

- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng - Tài chính
- Quá trình công tác:	
▪ 02/2001 -11/2001	Chuyên viên công ty XD 17 - Tổng công ty XD Trường Sơn
▪ 11/2001 - 03/2005	Kinh tế viên Trung tâm đầu tư - Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam
▪ 03/2005 - 12/2005	Phó phòng đầu tư TT - Trung tâm đầu tư
▪ 12/2005 - 11/2006	Phụ trách kế toán - Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt
▪ 11/2006 đến nay	Trưởng phòng đầu tư cổ phiếu CNY - Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt.
- Số cổ phần nắm giữ	6.964.558
- Tỷ lệ:	5,57%
Trong đó	
Đại diện cho Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam	6.964.558 (tỉ lệ 5,57%)
Cá nhân	0 (tỉ lệ 0%)
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.3.2 Ông: Phan Văn Nguyên

- Chức vụ hiện tại:	Ủy viên Ban kiểm soát công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	09/09/1958
- Số CMND	211135479 cấp ngày 04/09/2001 tại Bình Định
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Đại học Tổng hợp - chuyên ngành toán
- Quá trình công tác:	
▪ 07/1984 - 09/1988	Nhân viên chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Nghĩa Bình (cũ)

▪ 10/1988 - 09/1989	Phó phòng tín dụng vốn lưu động các xí nghiệp xây lắp - Chi nhánh ngân hàng ĐT&PT Bình Định.
▪ 10/1989 - 01/1991	Phó phòng phụ trách phòng cấp phát và tín dụng đầu tư - Chi nhánh ngân hàng ĐT&TP Bình Định
▪ 02/1991 - 12/1993	Trưởng phòng nghiệp vụ - Chi nhánh ngân hàng ĐT&PT Bình Định.
▪ 01/1994 - 10/2001	Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
▪ 11/2001 - 09/2002	Quyền giám đốc chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
▪ 10/2002 đến nay	Giám đốc chi nhánh ngân hàng ĐT&PT Bình Định
- Số cổ phần nắm giữ:	1.000.000
- Tỷ lệ:	0,8%
Trong đó:	
+ Đại diện cho BIDV	1.000.000 (0,8%)
+ Cá nhân	0 (0%)
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Lợi ích liên quan với công ty	Không

12.4 Kế toán trưởng

Ông: Võ Thành Trung (xem tại mục 12.1.5)

13. Tài sản

13.1 Đất đai

- Diện tích đất đai doanh nghiệp hiện đang sử dụng: 86.953.537,76 m2, trong đó:

- Diện tích đất thuê Văn phòng 21 Nguyễn Huệ, TP Quy Nhơn : 1.619,76 m2
- Diện tích đất giao

  + Công trình thuỷ điện Sông Hinh: 59.351.918 m2 (số liệu mang tính tương đối)

  + Công trình thuỷ điện Vĩnh Sơn: 27.600.000 m2 (số liệu mang tính tương đối)

13.2 Máy móc, thiết bị

Bảng13: *Một số máy móc thiết bị chính tại ngày 31/03/2007*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Hệ thống Tổ máy số 1 và số 2 Vĩnh Sơn	Pháp	2	360.797,8	125.224,0
2	Hệ thống Tổ máy số 1 và số 2 Sông Hinh	Thuỵ Điển	2	244.050,6	121.274,8
3	Thiết bị phân phối Trạm biến áp 110Kv Vĩnh Sơn	Pháp	1	4.112,4	1.427,3
4	Hệ thống Trạm phân phối điện Sông Hinh	Thuỵ Điển	1	44.625,9	22.450,2
Tổng cộng				653.586,7	270.376,3

13.3 Phương tiện vận tải

Bảng 14: *Bảng kê phương tiện vận tải tại thời điểm 31/03/2007*

Đvt: Triệu đồng

TT	Thiết bị	Nước Sản xuất	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe Nissan 6 ghế	Nhật	1	700	0
2	Xe Nissan 26 ghế	Nhật	1	600	0
3	Xe Toyota 15 ghế	Nhật	1	400	0
4	Xe Toyota Camry GL 2.2	Nhật - Việt	1	550	41,4
5	Xe Toyota Land Cruiser-GX	Nhật - Việt	1	850	318,7
6	Xe Toyota Hiace 16 ghế	Nhật - Việt	1	400	190
7	Xe ủi xúc liên hợp tự hành CAT 428C	Anh	1	912,7	251
8	Xe Toyota Land Cruiser	Nhật	1	400	0
9	Xe Nissan 8 ghế	Nhật	1	720	54,2
10	Xe Toyota 15 ghế Hiace	Nhật	1	501,3	37,7

11	Xe tải Isuzu 2,5 tấn	Nhật	1	325,9	89,6
12	Xe TOYOTA Camry 3.0V	Việt Nam	1	941	884,1
13	Xe Hyundai County 29 chỗ	Hàn Quốc	1	924,2	898,7
Tổng cộng			13	8.225,1	2.765,4

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 15: *Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty năm 2007- 2009(*)*

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	% tăng so với 2006	Giá trị	% tăng so với 2007	Giá trị	% tăng so với 2008
Sản lượng (triệu KWh)	575	-21,08	715	24,35	715	0
Doanh thu (triệu đồng) (**)	458.545	-1,94	465.000	1,41	465.000	0
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	250.000	-7,49	270.000	8	270.000	0
Tỷ lệ LNST/Doanh thu (%)	54,52	-5,67	58,06	6,5	54,92	0
Tỷ lệ LNST/Vốn cổ phần (%)	18,18	-15,9	18	-1	21,56	0
Tỷ lệ cổ tức (%)	12	- 14,29	14	16,67	14	0

(*) Kế hoạch lợi nhuận của Công ty là số liệu chưa hợp nhất. Tỉ lệ lợi nhuận của công ty cổ phần Du lịch Bình Định chiếm tỉ trọng nhỏ trong lợi nhuận của Công ty (dưới 1%)

(**)Doanh thu đã bao gồm: doanh thu thuần từ bán hàng, doanh thu tài chính và doanh thu khác.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2007 - 2009 của Công ty được xây dựng dựa trên kế hoạch phát điện hàng năm. Sản lượng các nhà máy thủy điện nói chung và Công ty nói riêng tính theo chu kỳ thủy văn cho nhiều năm, có năm cao và năm thấp. Công ty đã đưa ra số liệu tính toán sản lượng cho nhiều năm với mức bình quân là 638 triệu kWh, cộng thêm sản lượng của dự án hồ C khoảng 78 triệu kWh là đạt 715triệu kWh. Tuy nhiên, riêng năm 2007, thời tiết không thuận lợi thì sản lượng điện được ước tính đạt 575 triệu kWh.

Kế hoạch sản xuất điện cụ thể như sau:

a- Kế hoạch sản xuất điện năm 2007:

Sản xuất điện năm 2007 sẽ rất khó khăn do biến động bất thường của thời tiết, trong các tháng mùa lũ từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2006, lượng nước về các hồ thủy điện chỉ bằng 30 - 60%

cùng kỳ nhiều năm đã làm giảm sản lượng điện sản xuất quý IV/2006 và tích không đủ nước cho sản xuất năm 2007, lượng nước tích được của các hồ Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B và Vĩnh Sơn C và Sông Hinh đến ngày 31/12/2006 lần lượt là 28%, 36,75%, 43% và 62% so với dung tích thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sản xuất điện và doanh thu năm 2007 được dự kiến như sau (số liệu được làm tròn số):

Nhà máy	*Mùa mưa*	*Mùa khô*	*Cả năm*
Vĩnh Sơn (kWh)	15.000.000	225.000.000	240.000.000
Sông Hinh (kWh)	30.000.000	305.000.000	335.000.000
Tổng cộng (kWh)	**45.000.000**	**530.000.000**	**575.000.000**
Điện thương phẩm (kWh)	**44.415.000**	**523.110.000**	**567.525.000**
Doanh thu (đồng)	**21.141.540.000**	**303.403.800.000**	**324.545.340.000**

Chi tiết biểu đồ phát điện hàng tháng trong năm (tr. kWh):

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cộng
V.Sơn	20	20	20	20	10	10	5	5	5	35	45	45	240
Sông Hinh	30	30	30	25	25	20	10	10	10	45	50	50	335
Cộng	50	50	50	45	35	30	15	15	15	80	95	95	575
Theo mùa	Mùa khô: 260						Mùa mưa:45			Mùa khô:270			**575**

b- Kế hoạch sản xuất điện năm 2008: dự kiến như sau (số liệu được làm tròn số)

Nhà máy	*Mùa mưa*	*Mùa khô*	*Cả năm*
Vĩnh Sơn (kWh)	30.000.000	320.000.000	350.000.000
Sông Hinh (kWh)	40.000.000	325.000.000	365.000.000
Tổng cộng (kWh)	**70.000.000**	**645.000.000**	**715.000.000**

Chi tiết biểu đồ phát điện hàng tháng trong năm (tr. kWh):

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cộng
V.Sơn	40	40	35	35	30	30	10	10	10	35	35	40	350
Sông Hinh	45	40	35	35	30	30	15	15	10	35	35	40	365
Cộng	85	80	70	70	60	60	25	25	20	70	70	80	750
Theo mùa	Mùa khô: 425						Mùa mưa:70			Mùa khô:220			**715**

c- Kế hoạch sản xuất điện năm 2009: dự kiến như sau (số liệu được làm tròn số):

Nhà máy	*Mùa mưa*	*Mùa khô*	*Cả năm*
Vĩnh Sơn (kWh)	30.000.000	320.000.000	350.000.000
Sông Hinh (kWh)	40.000.000	325.000.000	365.000.000
Tổng cộng (kWh)	**70.000.000**	**645.000.000**	**715.000.000**

Chi tiết biểu đồ phát điện hàng tháng trong năm (tr. kWh):

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cộng
V.Sơn	40	40	35	35	30	30	10	10	10	35	35	40	350
Sông Hinh	45	40	35	35	30	30	15	15	10	35	35	40	365
Cộng	85	80	70	70	60	60	25	25	20	70	70	80	750
Theo mùa	Mùa khô: 425						Mùa mưa:70			Mùa khô:220			**715**

Tỉ lệ điện dùng cho sản xuất điện bao gồm điện tự dùng và điện tổn thất, định mức bình quân năm tỉ lệ này là 1,3% điện sản xuất.

Nhằm khắc phục những tùy thuộc bất lợi của thời tiết của các nhà máy thủy điện trên cùng khu vực và sẵn sàng cho thị trường cạnh tranh bán điện. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện một số biện pháp sau để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Các giải pháp về sản xuất:

- Tăng cường công tác quản lý về mọi mặt, nâng cao trình độ quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, kỷ luật trong sửa chữa để nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng yêu cầu về phương thức của hệ thống, đảm bảo an toàn, liên tục và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.
- Nâng cao năng lực đội ngũ công nhân vận hành, tăng cường công tác kiểm tra trong vận hành.
- Giảm tỷ lệ điện tự dùng cho sản xuất điện, nâng cao sản lượng điện thương phẩm bằng các chính sách tiết kiệm điện.
- Từng bước cải tạo nâng cấp hiện đại hoá thiết bị để ổn định và tiết kiệm, đồng thời đảm bảo an toàn cho người lao động.

Giải pháp về nhân sự và lao động:

- Công ty cũng tập trung đào tạo, nâng cao trình độ các cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có trình độ, năng lực vững vàng để đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Giải pháp về tài chính :

- Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của Công ty khi tham gia thị trường điện.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn vốn vay phục vụ sản xuất, đầu tư, kinh doanh với chi phí hợp lý. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản và lợi nhuận để lại hàng năm.

14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển

Trong thời gian tới, công ty trước hết phải tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh đang khai thác.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá của doanh nghiệp được xây dựng nhằm phát triển công ty cả về chiều rộng và chiều sâu. Một loạt các dự án đang được phát triển và bắt đầu được thực hiện.

- Dự án cải tạo và nâng cấp hồ A Vĩnh Sơn để nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy thuỷ điện Vĩnh Sơn có tổng vốn đầu tư dự toán khoảng 30 tỷ đồng. Mục đích của dự án nhằm bổ sung nguồn nước và nâng dung tích hồ A để tăng sản lượng điện của thuỷ điện Vĩnh Sơn thêm khoảng 35 triệu kWh/năm. Do tính chất kỹ thuật nâng cấp khá phức tạp nên quá trình khảo sát, lập dự án đầu tư bị chậm tiến độ, hiện đang khẩn trương phối hợp với Công ty cổ phần tư vấn và chuyển giao công nghệ thủy lợi hoàn thành hồ sơ dự án đầu tư trong quý III/2007
- Dự án nâng cấp hồ Sông Hinh có tổng vốn đầu tư dự toán khoảng 100 tỷ đồng với mục đích làm tăng dung tích hồ chứa, giảm lượng nước xả thừa để tăng sản lượng của thủy điện Sông Hinh thêm khoảng 60 triệu kWh/năm. Kỹ thuật nâng cấp khá phức tạp nên khó khăn trong việc tìm kiếm các tổ chức tư vấn. Hiện nay, Công ty đang tìm kiếm phương án kinh tế - kỹ thuật khác phù hợp hơn.

Để thực hiện kế hoạch tổng thể phát triển nguồn điện cả nước, EVN đang kêu gọi đầu tư xây dựng và phát triển các nhà máy thuỷ điện lớn. Các đối tác tham dự vào những dự án này đều phải có tiềm lực tài chính và năng lực quản lý và vận hành nhà máy với công suất lớn.

Với tiềm lực tài chính khá mạnh (phần lớn từ nguồn trích khấu hao khoảng 140-153 tỷ đồng/ năm). Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn –Sông Hinh có đủ khả năng tham gia vào đầu tư xây dựng và vận hành một số nhà máy thuỷ điện có công suất lớn. Công ty đang tiến hành nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư phát triển một số nhà máy thuỷ điện tại khu vực miền Trung (chủ yếu ở lưu vực sông Ba, sông Côn để tạo thành một cụm quản lý liên hoàn) theo các hình thức: tự đầu tư, liên doanh, thuê tài chính....và xem đây là hướng phát triển chính của doanh nghiệp trong thời gian tới.

- Dự án xây dựng nhà máy thuỷ điện Thượng Kontum (bậc thang sông Sêsan) có công suất 240 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm là 1.107 triệu kWh với tổng mức

đầu tư là 5.161 tỉ đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho phép Công ty làm chủ đầu tư. Đây là công trình lớn, thời gian đầu tư kéo dài từ 2007 - 2012. Công ty đã thực hiện thủ tục tiếp nhận bàn giao toàn bộ hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình từ Ban quản lý dự án thủy điện 4 (đại diện cho EVN) vào ngày 01/01/07. Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng lập Dự án đầu tư với Công ty tư vấn xây dựng điện 1, hồ sơ dự án đầu tư sẽ hoàn thành trong tháng 7/2007; Công ty đã thỏa thuận xong với UBND huyện KonPlong về phương án, cách thức thực hiện đối với dự án đền bù, tái định cư vào tháng 3/2007.

- Dự án thuỷ điện Đồng Cam (Phú Yên) là dự án được thực hiện trên bậc thang sông Ba thuộc tỉnh Phú Yên có công suất 130 MW, sản lượng điện năng bình quân 430 triệu kWh/năm với tổng mức đầu tư 2.118 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiên stừ 2008 - 2011. Hiện tại Công ty đang cùng với Công ty TVXD Thủy lợi 1 tiếp tục lập báo cáo khảo sát bổ sung theo yêu cầu của địa phương và các cấp có thẩm quyền để trình Bộ Công nghiệp phê duyệt bổ sung quy hoạch.

- Dự án thuỷ điện Vĩnh Sơn 2&3 - Bình Định đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt nằm trong quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn, theo đó bậc thang này bao gồm 3 nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 2 (80 MW), Vĩnh Sơn 3 (12 MW) và Vĩnh Sơn 4 (19 MW). Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.936 tỉ đồng. Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng lập Dự án đầu tư dự án Vĩnh Sơn 2 và Vĩnh Sơn 3 với Công ty xây dựng điện 3, hồ sơ dự án dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 8/2007.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp dịch vụ quản lý cho các nhà máy thuỷ điện. Đây là một thị trường khá đặc biệt và bắt đầu phát triển. Đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật của Công ty có trình độ cao và giàu kinh nghiệm, có mối quan hệ rộng rãi và chặt chẽ trong ngành phát điện và EVN. Mặt khác, nhờ chính sách nới rộng đối tượng đầu tư và kinh doanh nguồn điện tới các tổ chức phi quốc doanh của Chính phủ, trong vòng những năm tới đây, một loại các nhà máy điện sẽ do khối kinh tế ngoài quốc doanh đầu tư và phát triển. Do vậy, nhu cầu đối với nhân lực có trình độ và kinh nghiệm trong quản lý và vận hành nhà máy điện là rất lớn.

Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh hiện đã có một đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật với trình độ cao và giàu kinh nghiệm thực tế. Hơn nữa, công ty còn có sẵn một bộ phận đào tạo cán bộ và công nhân có thâm niên hơn 10 năm. Đây chính là thế mạnh của Công ty để triển khai thêm một kênh kinh doanh mới là cung cấp dịch vụ quản lý cho các nhà máy thuỷ điện mới đầu tư.

Bên cạnh việc thực hiện đầu tư các nhà máy thủy điện do Công ty làm chủ đầu tư, Công ty còn tìm kiếm nhiều cơ hội đầu tư khác bằng nhiều hình thức như: BOO, góp vốn, liên doanh, liên kết. Để đa dạng hóa loại hình kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, Công ty sẽ mở rộng danh mục đầu tư, tìm kiếm cơ hội để mang lại hiệu quả kinh tế nhanh và cao hơn

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

- Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Đồng thời dựa trên kết quả thực hiện kinh doanh những năm vừa qua, năng lực sản xuất hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp, SSI nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có tính khả thi bởi cách ước lượng về sản lượng điện sản xuất trong các năm tới là tương đối an toàn vì chúng được dự báo dựa trên mức sản lượng bình quân qua thực tế các năm hoạt động của hai nhà máy phát điện

- Về cổ tức, Công ty đã trả cổ tức 7%/năm cho 8 tháng năm 2005, 14% cho năm 2006 và dự kiến duy trì tỷ lệ trả cổ tức là 12-14%/năm cho ba năm tiếp theo. Với mức cổ tức này, Công ty phải sử dụng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế khá lớn để chia cho cổ đông, phần lợi nhuận còn lại dùng để trích lập các quỹ theo luật định. Đây là một chính sách phù hợp với tình hình phát triển hiện tại của Công ty và cũng đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

- Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông

2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán**

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 12.500.000 cổ phiếu

4. **Giá chào bán dự kiến**

Mức giá dự kiến chào bán tối đa 45.000 đồng/ cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán dự kiến bằng 70% thị giá bình quân 20 ngày giao dịch trước ngày chốt sổ. Thời gian chốt sổ được thực hiện trước ngày 30/07/2007

6. Phương thức phân phối

Quyền mua cổ phiếu: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Khối lượng cổ phiếu phát hành: 12.500.000 cổ phiếu

Giá phát hành: bằng 70% thị giá của 20 ngày giao dịch trước ngày khoá sổ nhưng không vượt quá 45.000 đồng/ 01 cổ phiếu.

- Phát hành quyền mua cho các cổ đông hiện tại với tỉ lệ thực hiện quyền 10:1. Căn cứ vào ngày phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thì được 1 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì sẽ được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm.
- Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TTLK cung cấp
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà người sở hữu quyền mua sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị và để không vượt quá số lượng phát hành, toàn bộ việc làm tròn sẽ được làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (nếu có phát sinh hoặc do các cổ đông từ chối quyền mua), được công ty thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với giá bán không thấp hơn giá phát hành cho các cổ đông hiện hữu.
- Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phần: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng 1 lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba)
- Đối với trường hợp cổ đông lớn là cổ đông Nhà nước do EVN đại diện không thực hiện quyền mua, quyền mua này sẽ được EVN đấu giá ra bên ngoài cho công chúng đăng ký thông qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Thời gian, phương án thực hiện và việc xác định giá khởi điểm đối với quyền mua do EVN quyết định.

Các bước thực hiện

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần

Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Đối với các cổ đông chưa lưu ký, Công ty thông báo phân bổ quyền mua trực tiếp đến cổ đông. Cổ đông có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu bổ sung 1 lần trước khi đăng ký lưu ký

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định. Các cổ đông đã mở tài khoản và lưu ký chứng khoán ở thành viên lưu ký nào sẽ thực hiện đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới tại thành viên lưu ký. Cổ đông chưa mở tài khoản và lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký và nộp tiền trực tiếp tại trụ sở Công ty.

Các cổ đông thuộc danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới theo tỉ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó.

Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày TTLK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền. Nếu hết hạn đăng ký thực hiện quyền mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền
- Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTLK yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTLK xác nhận việc nhận chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTLK, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.

- Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Trụ sở của Công ty.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền, thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

Thành viên lưu ký chuyển tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Trung tâm lưu ký tại Ngân hàng chỉ định để Trung tâm lưu ký chuyển cho Công ty Cổ Phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Vào ngày phát hành, Trung tâm lưu ký gửi báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu chính thức được niêm yết, thành viên lưu ký chuyển khoản từ chứng khoán chưa niêm yết sang chứng khoán niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.

Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở của Công ty.

7. Thời gian phân phối dự kiến

- Thời gian phân phối: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Lịch phân phối cho cổ đông hiện hữu dự kiến tháng 8 -9/2007

8. Đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền

- Số lượng cổ phần phát hành: 12.500.0000 cổ phần
- Phương thức thánh toán:
  - Cổ đông đã lưu ký thanh toán qua tài khoản chứng khoán mở tại công ty chứng khoán. Số tiền thu được các công ty chứng khoán chuyển về tài khoản phong tỏa của Công ty.
  - Cổ đông chưa lưu ký thực hiện nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công

ty cổ phần đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, cụ thể là tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu theo Quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng chính phủ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty đến ngày 15/03/2007 là 26.432.265 cổ phần (21,12% vốn điều lệ).

10. Các loại thuế liên quan

+ Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/12/2003, Thông tư 128/2003/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 22/12/2003, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/09/2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ tài chính ngày 29/04/2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ tài chính ngày 20/10/2004 và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng cục thuế ngày 04/05/2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm thứ hai kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

+ Theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành CTCP, DNNN chuyển sang CTCP được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới.

+ Theo quy định của Thông tư số 74/2000/TT-BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ Tài chính, đối với tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 (hai) năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại TTGDCK

+ Thuế tài nguyên: bắt đầu từ ngày 01/02/2006 thực hiện theo TT 05/2006-BTC ngày 19/01/2006 của Bộ Tài chính, thuế tài nguyên tính theo công thức sau: thuế tài nguyên = Sản lượng thủy điện xuất tuyến x 700đ x 2%. Từ 01/7/2007, thuế tài nguyên được tính = sản lượng điện sản xuất tuyến x 750đ x 2%.

+ Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.

Tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần (VSH) của Công ty sẽ nộp vào tài khoản phong tỏa như sau:

Số tài khoản: 580 10 00 0301419

Nơi mở tài khoản: CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Định

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Theo kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2007-2009, Công ty phát hành tăng vốn lần 1 từ 1.250 tỉ đồng lên 1.375 tỉ đồng nhằm mục tiêu: tăng quy mô vốn để thực hiện đầu tư cho Dự án Công trình Thuỷ điện Thượng Kon Tum, nâng cao năng lực tài chính để thu hút vốn vay và các nguồn vốn khác phục vụ nhu cầu đầu tư các dự án mới.

2. Phương án khả thi

2.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng công trình

Với phương án phát triển nguồn điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo văn bản số 40/2003/QĐ-TTg ngày 21/03/2003, tính đến năm 2010, tổng công suất các Nhà máy điện nước ta là 20090 MW, trong đó thuỷ điện chiếm 39,7%, nhiệt điện khí - dầu chiếm 38,9%, nhiệt điện than 21,4%, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu phụ tải điện ở mức 16033MW với tỷ lệ dự phòng 25,3% vào mùa mưa và khoảng 17,1% vào mùa khô, với dự kiến sản lượng điện năng sản xuất năm 2010 là 96,1 tỷ kWh, với thủy điện chiếm khoảng 32,6 tỷ kWh (34%), nhiệt điện khí là 41,7 tỷ kWh (43,4%), nhiệt điện than 31,8 tỷ kWh (22,6%)

Việc đầu tư xây dựng công trình thuỷ điện Thượng Kon Tum là một nhu cầu cần thiết nhằm sử dụng hết nguồn tiềm năng năng lượng thiên nhiên trên sông Sê San, đem lại hiệu quả kinh tế cao và mang lại lợi nhuận cho công ty. Ngoài ra, công trình còn tạo điều kiện thúc đẩy phát triển dân sinh kinh tế của địa phương nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung.

2.2 Dự án Thuỷ điện Thượng Kon Tum

- ***Giới thiệu về dự án***

Nhà máy Thuỷ điện Thượng Kon Tum thuộc cụm công trình thuỷ điện bậc thang trên sông Sê San, nằm phía thượng lưu của các công trình Pleikrong (110 MW – đang xây dựng), Ialy (720 MW – đang vận hành), Sê San 3 (260 MW – đang xây dựng), Sê San 3A (100 MW – đang xây dựng) và Sê San 4 (360 MW – đang xây dựng); và là công trình đã được xem xét trong Tổng sơ đồ phát triển Điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét triển vọng đến năm 2020. Với công suất lắp máy dự kiến từ 220 đến 250 MW, công trình thuỷ điện Thượng Kon Tum sẽ cung cấp sản lượng điện năng trung bình hàng năm 1107,2.triệu kWh cho khu vực miền Trung và miền Nam qua hệ thống lưới điện Quốc Gia.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành đầu tư dự án từ 2007 - 2012

- Tiến độ thực hiện: Công ty đã thực hiện thủ tục tiếp nhận bàn giao toàn bộ hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình từ Ban quản lý dự án thủy điện 4 (đại diện cho EVN) vào ngày 01/01/07. Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng lập Dự án đầu tư với công ty tư vấn xây dựng điện 1, hồ sơ dự án đầu tư sẽ hoàn thành cuối quý II, đầu quý III/2007; Công ty đã thỏa thuận xong với UBND huyện KonPlong về phương án, cách thức thực hiện đối với dự án đền bù, tái định cư vào tháng 3/2007.

- Phương thức huy động vốn:

  ✓ Mức tối thiểu là 30% vốn tự có của chủ đầu tư

  ✓ Mức tối đa là 70% vốn vay thương mại bao gồm vay nội tệ cho chi phí xây lắp và các khoản chi phí khác (lãi suất dự tính 12%/năm), vay ngoại tệ cho chi phí mua thiết bị (với lãi suất dự tính 8%/năm).

- Các thông số kỹ thuật: tính toán theo phương án năng lượng 2 bậc như sau:

Bậc khai thác 1:

✓ Mực nước dâng bình thường : 1170 m

✓ Mực nước chết : 1146 m

✓ Công suất lắp máy : 160 MW

✓ Điện lượng trung bình năm : $747,5x10^6$

Bậc khai thác 2

✓ Mực nước dâng bình thường : 490 m

✓ Mực nước chết : 485 m

✓ Công suất lắp máy : 80 MW

✓ Điện lượng trung bình năm : $359,7x10^6$

Toàn bộ công trình

✓ Công suất lắp máy : 240 MW

✓ Điện lượng trung bình năm : $1107,2x10^6$

- ***Tổng mức đầu tư***

Bảng 16: *Tổng vốn đầu tư dự án xây dựng thuỷ điện Thượng Kon Tum*

Đvt: Triệu đồng

Khoản mục chi phí		Giá trị trước thuế	Thuế, phí và lệ phí	Giá trị sau thuế, phí và lệ phí
	Tổng vốn đầu tư, *bao gồm:*	**4.774.000**	**387.370**	**5.161.370**

I	**Phần Công trình**	**4.069.050**	**387.370**	**4.45.420**
1	Chi phí xây lắp	2.263.440	226.340	2.489.780
2	Chi phí máy móc thiết bị	942.970	94.300	1.037.260
3	Chi phí khác	488.290	29.300	517.580
4	Dự phòng 10%	374.350	37.440	411.790
II	**Lãi Vay**	**704.950**		**704.950**

- Hiệu quả của dự án tính toán qua các chỉ tiêu

Bảng 17: *Tổng hợp kết quả tính toán các chỉ tiêu*

Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu	
		Riêng bậc 1	Cả 2 bậc
NPV	tỉ đồng	644,59	1006,99
B/C		1,27	1,285
FIRR	%	15,67	16,11
Giá thành điện năng	đ/kWh	561,3	553,12
Thời gian hoàn vốn	Năm	13	12

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến thu được là 562,5 tỉ đồng, tức là thặng dư vốn là 437,5 tỉ đồng (trong điều kiện giả định là số lượng cổ phần chào bán được thực hiện hết với giá phát hành đạt được mức tối đa 45.000 đồng/cổ phiếu)

Bảng 18: *Dự kiến số vốn huy động được từ đợt phát hành*

Đơn vị: đồng

Nội dung	SL cổ phiếu mới	Giá phát hành tối đa	Số tiền thu được tối đa
Cổ đông hiện hữu được quyền mua	12.500.000	45.000	562.500.000.000

Kế hoạch của công ty sử dụng số tiền thu được để bổ sung phần vốn tự có của Chủ đầu tư để đảm bảo mức vốn tự có trên 30%.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:

❖ **Công ty kiểm toán Việt Nam**

Thành viên Hãng Deloite Touche Tohmatsu

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.8524123 Fax: 04.8524143

Chi nhánh Miền Trung: Số 77 Nguyễn Du - Q Hải Châu- TP Đà Nẵng

Điện thoại: 04.8524123 Fax: 04.8524143

2. Tổ chức tư vấn:

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính

✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại:(08-8)242897 Fax: (08-8)247430

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM

ĐT:(84-8).821567 Fax: (84-8).2910590

CN Công ty Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội

✓ 1C Ngô Quyền , Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4).9366321 Fax: (84-4).9366311

CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4). 9426718 Fax: (84-4). 9426719

CN Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

✓ 22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

ĐT: (84-31)3569123 Fax: (84-31).3569130

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I**: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II**: Bản sao Điều lệ công ty

3. **Phụ lục III**: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và báo cáo quyết toán quý I/2007
4. **Phụ lục IV**: Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS và Kế toán trưởng
5. **Phụ lục V**: Nghị quyết của ĐHCĐ về việc phát hành thêm cổ phiếu
6. **Các tài liệu khác**

Bình Định, ngày 05 tháng 7 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**
Nguyễn Đức Đối	**Trần Lê Cảnh**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
Đậu Minh Lâm	**Võ Thành Trung**

BỘ TÀI CHÍNH
UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138 /UBCK-GCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2007

CHỦ TỊCH UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 03 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành mẫu Bản cáo bạch trong Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Phát hành Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VINH SON - SONG HINH HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: VSHPC

Trụ sở chính: 21 Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005

Vốn điều lệ: 1.250.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được phép chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 12.500.000 cổ phiếu (Mười hai triệu năm trăm nghìn cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1;

4. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

5. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch

6. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

Điều 3. Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc. Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh giữ 01 bản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ 01 bản, 01 bản gửi cho Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Lưu Ban QLPH.

Vũ Thị Kim Liên